TEST NT

*NOTE: chỗ nào em ko chắc thì em đánh dấu “?”. Đánh số câu theo thứ tự còn số câu trong () là câu trong tài liệu anh gửi, đáp án em làm theo thứ tự em đánh.*

1. Đặc điểm cấu trúc màng nơron:
2. Được tạo thành chủ yếu bởi P và carbohydrate
3. Có tính thấm giống nhau với mọi ion dương hóa trị I
4. Thành phần (P) chiếm tỷ lệ cao hơn so với màng tế bào gan
5. Chứa ion Ca2+ liên quan đến điều hòa tính thấm của màng
6. Có cấu trúc tương tự như màng ty thể và màng nhâ
7. Đặc điểm cấu trúc và chức năng của noron
8. Phospholipid là thành phần cấu trúc của myelin
9. Glucose là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho noron hoạt động
10. Vận chuyển nhanh trong sợi trục nhằm vận chuyển chất dẫn truyền ? TK từ nơi tổng hơp đến tận cùng sợi trục
11. Thể Nissl được tạo nên bời Ribosom và lưới nội sinh chất
12. Sau khi sinh tốc độ dẫn truyền trên sợi trục không thay đổi
13. (case)
14. Vận chuyển noron qua màng TB TK:
15. Có thể vận chuyển ngược bậc thang nồng độ
16. Có thể vận chuyển ngược bậc thang điện hóa
17. Tốc độ khuyếch tán tỷ lệ thuận với chệnh lệch nồng độ và điện tích màng
18. Luôn luôn đòi hỏi cung cấp năng lượng từ ATP
19. Ngừng lại khi điện thế màng đạt đều -70mV
20. (9)Cơ chế tái nhập noradre vào tận cùng trước synap
21. Là cơ chế nhận bắt giữa I
22. Cơ chế tác dụng tương tự như tác dụng lên adrenefin receptor sau synap khi ức chế enzym monoamine oxidase
23. Là cơ chế tác dụng của thuốc phong bế dẫn truyền ở hạch thần kinh giao cảm
24. Là cơ chế tác dụng của thuốc chống trầm cảm ba vòng (tricyclie antidepressantdrug)
25. Cơ chế làm tăng nhịp tim
26. (10) Chức năng cảm giác (về tai trong)
27. Chênh lệch điện thế qua màng tế bào lông khoảng -150mV
28. Màng đáy có thể rung ngay cả khi không có màng nhĩ
29. Ngưỡng nghe có thể thay đổi bời hoạt động của các sợi ly tâm trong dây TK thính giác
30. Tăng lưu lượng máu đến cơ quan corti là nguyên nhân gây ù tai
31. Sự hóa xương ở cửa sổ bầu dục dẫn đến nghe kém âm thanh rõ
32. (14) Nghe kém
33. Ở tần số trên 1kHz là bình thường với người lớn tuổi
34. ở tần số nhỏ hơn 200 Hz là điển hình của tổn thương ở vòng xoắn đầu tiên của ốc tai
35. Do tiếp xúc với tiếng ồn có thể khắc phục bằng phương pháp phẫu thuật
36. Là hậu quả không thể tránh được nếu tiếp xúc lâu dài với ngưỡng âm ở 90dB
37. Là kết quả thường gặp do ráy tai xảy ra
38. (15) về cơ quan tiền đình :
39. Luôn bị kích thích khi đầu chuyển động
40. Đưa thông tin về não cần thiết cho việc duy trì tư thế
41. Chứa nội dịch có thẩm phân tương tự như nội dịch ở ? giữa của ốc tai
42. Chứa ngoại dịch liên thông với dịch não tủy
43. Có ảnh hưởng lên hệ thống thần kinh tự chủ
44. (16) Về khứu giác và vị giác
45. Gây tê lưỡi làm mất cảm giác vị
46. Vùng lưỡi do dây TK VII chi phối không mẫn cảm tương đối với vị đắng
47. So với khi lạnh, cảm giác ngọt tăng lên khi chất gây ngọt được làm ấm
48. Phụ nữ có cảm giác mùi tốt hơn so với nam giới nhất là vào thời điểm rụng trứng
49. (17) Về thị giác
50. Giao diện giữa không khí-giác mạc làm làm cho ánh sáng đi vào trong mắt bị khúc xạ mạnh nhất
51. Co cơ thể mi làm giảm bán kinh cong của thủy tinh thể
52. TB que điều chỉnh hoạt động ngẫu phát của TB hạch ở võng mạc
53. TB nón chịu trách nhiệm về khả năng nhìn rõ chi tiết vật
54. Khi bị viễn thị, có thể hội tụ được các vật ở xa nhưng không hội tụ được các vật ở gần mắt
55. (18) thích nghi của mắt trong ĐK ánh sáng yếu
56. Thích nghi hoàn toàn sau 2-3 phút
57. Hoàn toàn do tăng nồng độ sắc tố ánh sáng
58. Có thể nhanh hơn bằng cách đưa kích đỏ ( ?) trước khi rời ra khỏi môi trường có cường độ ánh sáng mạnh
59. Thích nghi đối với hình ảnh rơi vào vùng rìa của võng mạc tốt hơn so với hình ảnh rơi vào hoảng điểm
60. Giảm khi thiếu vitamin D
61. (19) hệ thống cảm giác thân :
62. Dừng ở các nhân đồi thị
63. Không bao gồm các receptor cơ học thích nghi chậm
64. Bao gồm các noron dẫn truyền hướng tâm có ảnh hưởng đến các noron TK tự chủ ly tâm
65. Không bao gồm các noron có sợi trục đường kính lớn, được bọc myelin
66. Bao gồm các receptor đáp ứng với cả dạng chạm và nhiệt
67. (20) cảm giác đau :
68. Làm tăng hoạt động của các noron ở đồi thị
69. Có thể xuất hiện ngay cả khi không có kích thích lên các receptor nhận cảm đau
70. Liều morphin đủ cao luôn luôn loại bỏ được cảm giác đau
71. Các receptor nhận cảm đau đáp ứng với các kinin
72. Có thể xuất hiện khi ruột giãn
73. (21) về hoạt động co cơ bám xương :
74. Sợi ly tâm gamma phát xung động làm tăng hoạt động trên sơi Ia
75. Hoạt động của mỗi sợi cơ phụ thuộc vào chiều dài sợi cơ và tốc độ co cơ
76. Kích thích có thụ thể Golgi ở gân làm giảm trương lực cơ đối vận
77. Kích thích suốt cơ tạo ra điện thế ức chế sau synap ở noron vận động alpha chi phối cơ đồng vận
78. Sợi nội suốt co không cần đến năng lượng
79. (22) mất noron vận động alpha :
80. Chỉ gây liệt ở nhóm cơ cùng bên
81. Teo toàn bộ cơ do noron vận động đó chi phối
82. Tăng phản xạ căng cơ
83. Chỉ có thể xảy ra ở trong tủy sống
84. Gây liệt các sợi nội suốt
85. (23) tổn thương bó tháp
86. Mất vĩnh viễn trương lực cơ ở nhóm cơ được chi phối
87. Tăng phản xạ giật?
88. Tăng phản xạ nông (VD phản xạ da bụng)
89. Dấu hiệu Babinski ở người trưởng thành
90. Có thể gây ra các động tác đại tiểu tiện không tự chủ
91. (25) tổn thương thiếu máu vỏ não thùy đỉnh và thùy trán trái có thể làm suy giảm:
92. Cử động tay phải
93. Điều hòa thân nhiệt
94. Phát âm ở người thuận tay trái
95. Nhịp alpha trên điện não đồ
96. Điều hòa huyết áp
97. (26) mất chức năng của hạnh nhân nền có thể dẫn đến:
98. Bất thường chuyển hóa dopamine
99. Tư thế bất thường
100. Rối loạn phát âm
101. ? chú ý với tần tố 8Hz- 13 Hz
102. Mất biểu cảm trên nét mặt
103. (27) về đặc điểm cấu trúc các chức năng tiểu não
104. Kết nối rộng với hạnh nhân nền
105. Tiếp nhận thông tin từ cơ quan tiền đình
106. Liên quan đến phát âm
107. Có cảm hứng đến noron vận động alpha?
108. Gửi thông tin qua đồi thị đi lên vỏ não hoạt động
109. (28) về thần kinh tự chủ:
110. Tiếp nhận thông tin từ các receptor nhận cảm hóa học đặc hiệu
111. Tiếp nhận thông tin từ vỏ não
112. Bao gồm cả sợi ly tâm hung phấn và ức chế
113. Phân nhánh chi phối với các tuyến nội tiết
114. Phân nhánh đến các tế bào cơ trơn
115. (29) về tuyến tủy thượng thận
116. Là một dạng biến đổi của hạch giao cảm bên
117. Bao gồm các tế bào có nguồn gốc từ các tế bào mào thần kinh
118. Bài tiết cả adrenalin và noradrenalin
119. Được điều hòa bời thùy trước tuyến yên
120. Được chi phối bởi các noron có sợi trục không myelin
121. (30) Noradrenalin
122. Là chất truyền đạt TK phổ biến được giải phóng từ các tận cùng sợi tiền hạch giao cảm
123. Có thời gian bán hủy ở trong máu nhỏ hơn 60 giây
124. Có thể bị phân cắt thàn 3-methoxyl-4 hydroxymandelin để đào thải ra ngoài theo nước tiểu
125. Chuyển thành adrenalin nhờ enzym phenylatha ? vẫn không hiện diện ở các noron thần kinh ngoại biên
126. Kích thích thành phần adenylate cyclase của receptor beta
127. (31) về adrenalin:
128. Được giải phóng từ tuyến tủy thượng thận do hoạt hóa thần kinh Cholinergic?
129. Có tác dụng lên mô không có thần kinh mạnh hơn so với mô có thần kinh chi phối
130. Được tạo thành bằng cách gắn mối methyl vào noradrenalin
131. Bị phân cắt bởi enzyme catecho… trong hồng cầu
132. Bình thường luôn có ở trong máu
133. (32) Về acetylcholine
134. Là chất truyền đạt TK duy nhất do các noron phó giao cảm giải phóng
135. Được tổng hợp từ Acetyl CoA và Cholin ở tận cùng sợi thần kinh
136. Bị loại bỏ nhóm OH- bởi enzyme acetylcholinesterase ở các tận cùng sợi thần kinh
137. Có thể làm tăng giải phóng noradrenalin từ các sợi thần kinh Adrenergic
138. Chỉ có tác dụng trên receptor loại nicotiric và không có tác dụng trên receptor loại muscarinic
139. (33) Hạch giao cảm có thể:
140. Tiếp nhận cả sợi hướng tâm Cholinergic và adrenergic
141. Gửi tín hiệu đi ra theo sợi ly tâm cholinergic và adrenergic
142. Có sự hiện diện của các receptor loại muscarinic và nicotiric
143. Bao gồm cả noron liên hợp ức chế loại dopaminergic
144. (34) kích thích phó giao cảm
145. Làm giảm tần số tim
146. Giảm bài tiết từ tuyến tụy ngoại tiết
147. Gây co và giãn cơ trơn thành ống tiêu hóa
148. Có thể làm giãn các động mạch đến cơ vân
149. Cùng với xung giao cảm kích thích bài tiết nước bọt
150. (35) Vùng dưới đồi nguyên vẹn là cần thiết để ổn định:
151. Nhịp tim đều
152. Cân bằng dịch ngoại bào
153. Khả năng nuốt
154. Thân nhiệt bình thường trong môi trường lạnh
155. Chức năng thận bình thường
156. (36) Cấu trúc lưới thân não:
157. Có thể kích thích hoặc ức chế vỏ não
158. Tiếp nhận các sợi TK hướng tâm từ tủy sống và tiểu não
159. Gửi các sợi ly tâm đến tủy sống và vỏ não
160. Liên quan điều hòa nhịp tim
161. Bao gồm cả noron adrenalin và serotonergic
162. (37) Hệ Limbic
163. Bao gồm cả 1 vài nhân TK thuộc về cấu tạo lưới của não giữa
164. Đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động phối hợp trong hành vi tình dục
165. ảnh hưởng đến đường ly tâm của thần kinh tự chủ
166. bao gồm cả vùng não liên quan đến động tác phát âm
167. liên quan đến kiểm soát tâm trạng
168. (38) NS 30 Mark the correct state ment (S)
169. Myelin hóa sợi trục làm tăng tốc độ dẫn truyền phân hóa? Là do làm tăng kích thước sợi trục
170. Myelin được tạo thành từ phospholipid và glycolipid
171. Dịch não tủy có nồng độ protein tương tự dịch kẽ
172. Lưu lượng máu não tăng khi PaCO2 giảm
173. Glucose có thể thấm tự do qua màng noron
174. (39) Kích thích TK giao cảm:
175. Làm tăng lắng đọng mỡ vào các TB mỡ
176. Có thể gây co và giãn cơ trơn
177. Làm giãn đồng tử
178. Co mi mắt
179. Không làm giải phóng bất kỳ chất truyền đạt TK nào khác ngoài noradrenalin

ĐÁP ÁN:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 0 |  | SSS  DS | DDD  DS |  | DDD  SS | DDS  DD | DDD  SS | DSS  DD | SSD  DD | SDD  D |
| 1 | DSD  Đ | SSD  DS | DSD  SD | DDS  SD | DDS  SS | DDS  DS | DSS  DD | DDD  DS | SDD  SD | SDD  DD |
| 2 | ?DD  DD | DDD  SD | SDD  DD | DDD  DD | DSS  DS | SDD  D | DSD  DD | SDS  DD | DDD  DD | SDD  SD |
| 3 | SDS  SD | SDD  DS |  |  |  |  |  |  |  |  |